

Số: 172 /TB-HĐBT

Hoàng Mai, ngày 23 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai 2

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II: *(Có phương án chi tiết kèm theo)*

2. Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **23/7÷02/8/2026**.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 14, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Nhà văn hóa khối 15, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>

4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai *(qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)* hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

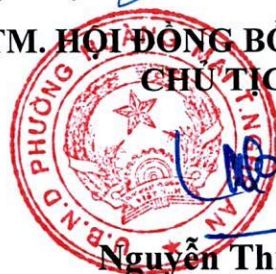
5. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử phường có trách nhiệm đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II đề nghị Trưởng khối 15 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KT, HT và ĐT, VHXX
- Trưởng khối 15;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG
CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Trần Thị Thuý

Nhân khẩu: 3

Địa chỉ: xóm Tân Minh, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | P. Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐDC 40, Trích đo số 48/2025	87	236,4	73.000	17.257.000
	Cộng:		236,4		17.257.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							56.400.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch	625	236,4	160				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ			15	cây	100%	800.000	12.000.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			15	cây	50%	800.000	6.000.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ còn lại			130	cây	30%	800.000	31.200.000
2	Bưởi thu hoạch			20	cây	30%	450.000	2.700.000
3	Ổi thu hoạch			50	cây	30%	300.000	4.500.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	17.257.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	56.400.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	73.657.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

38.564.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$236,4 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 34.514.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 2,60 %)

$$3 \text{ khẩu} \times 3 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 4.050.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 112.221.000

Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Cao Thị Minh Hằng
và ông Huỳnh Xuân Hải

Nhân khẩu: 5

Địa chỉ: xóm Tân Hòa, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	116	7.516,9	73.000	548.734.000
	Cộng:		7.516,9		548.734.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							539.750.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch 560 + 300	625	7.500,0	860				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ			469	cây	100%	800.000	375.200.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			391	cây	50%	800.000	156.400.000
2	Bưởi thu hoạch (vượt mật độ lần 1)			20	cây	50%	450.000	4.500.000
3	Keo ĐK 25 cm (vượt mật độ lần 1)			6	cây	50%	300.000	900.000
4	Keo ĐK 10-20 cm(vượt mật độ lần 1)			52	cây	50%	100.000	2.600.000

-	Keo ĐK 10-20 cm (vượt mật độ lần 2)			5	cây	30%	100.000	150.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		548.734.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		539.750.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		1.088.484.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 1.165.977.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 7.516,9

m²

x

73.000

x

2

=

1.097.467.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)
- 5

khẩu

x

12

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

27.000.000
3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 41.510.000

-	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc sắt:, khoảng cách cọc 2-3m	50%	md	290	95.000	13.775.000
-	Dây điện a25(2*80mm)	50%	md	750	49.000	18.375.000
-	Dây điện a16(2*16mm)	50%	md	520	36.000	9.360.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

2.254.461.000

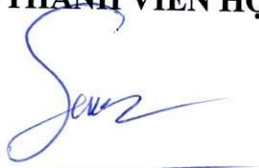
Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

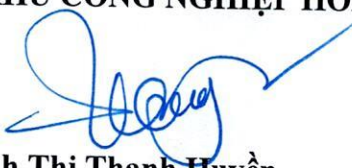
.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuỳ
Chuyên viên
phòng KT, HT &
ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Phạm Thị Lan ông Huỳnh Trọng Hiên **Nhân khẩu:** 5

Địa chỉ: xóm Tân Hoà, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	83	9.981,9	73.000	728.679.000
2	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	77	1.706,5	73.000	124.575.000
	Cộng:		11.688,4		853.254.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							23.579.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất							Diện tích (m2)
TT	Tên hạng mục			Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
I	Diện tích đất xây dựng trong hạn mức được bồi thường theo Quy định tại Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Nghệ An							11,6884
1	Nhà (ô-t) bán mái, chiều cao 3,5 m, tường xây gạch táp lô dày 150, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn tráng kẽm, chiều cao móng ≤ 1m. S=9,6*8,7			100%	m2XD	11,6884	2.310.000	27.000.000
-	Khấu trừ tường không quét vôi ve			100%	m2XD	35,2667	-14.000	-494.000
-	Khấu trừ tường không da trát			100%	m2XD	35,2667	-83.000	-2.927.000
B	Cây cối, hoa màu							799.500.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch = 960 + 300	625	11.588,4	1260				-

-	Cam thu hoạch trong mật độ: 1,16*625			724	cây	100%	800.000	579.200.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần:			536	cây	50%	800.000	214.400.000
2	Keo ĐK 25cm			6	cây	50%	300.000	900.000
3	Keo ĐK 10-20cm			100	cây	50%	100.000	5.000.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	853.254.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	23.579.000
2	Cây cối, hoa màu	799.500.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	1.676.333.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

1.833.400.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$11.688,4 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 1.706.506.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống

(Tỷ lệ thu hồi: 96,90 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 27.000.000$$

3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

99.894.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
-	Nhà (ót) bán mái, chiều cao 3,5 m, tường xây gạch tấp lô dày 150, nền lán vỉa xi măng, mái lợp tôn tráng kẽm, chiều cao móng $\leq 1\text{m}$. S=9,6*8,7	50%	m2XD	71,83	2.310.000	82.965.000
-	Khấu trừ tường không quét vôi ve	100%	m2XD	216,7333	-14.000	-3.034.000
-	Khấu trừ tường không da trát	100%	m2XD	216,7333	-83.000	-17.989.000

-	Sân nền bê tông đá dăm dày 5cm S=3,5 m ²	50%	m2XD	3,50	77.000	135.000
-	Thép gai 4 sợi cọc bê tông: 285m khoảng cách cọc 2-3m	50%	md	285	95.000	13.538.000
-	Đường dây điện a16(2*16mm): 328m	50%	md	328	36.000	5.904.000
-	Đường dây điện a25(2*80mm): 750m	50%	md	750	49.000	18.375.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

3.509.733.000

Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng chẵn

V. Ý KIẾN HỘI GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuỳ
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Phạm Thị Ngọc Mai
và ông Nguyễn Hồng Phong

Nhân khẩu: 4

Địa chỉ: Xóm Tân Mai, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/6/2026 về việc xác minh, bổ sung một số hạng mục tài sản

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	52	8.497,9	73.000	620.347.000
	Cộng:		8.497,9		620.347.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							7.850.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất						Diện tích (m2)	
TT	Tên hạng mục		Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	
I	Tài sản đúng mục đích sử dụng đất							
1	Đường ống nước nhựa tiền phong ĐK 27		100%	md	160	26.000	4.160.000	
2	Khoá ống nước nhựa tiền phong Đk 27		100%	Cái	47	20.000	940.000	
3	Hệ thống tưới nhỏ giọt ống mềm ĐK 27: 25*200m		100%	md	5.000	550	2.750.000	
B	Cây cối, hoa màu							613.200.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch = 680+300	625	8.490,0	980				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ			531	cây	100%	800.000	424.800.000

-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			449	cây	50%	800.000	179.600.000
2	Bưởi thu hoạch			10	cây	50%	450.000	2.250.000
3	Keo ĐK 10-20 cm			41	cây	50%	100.000	2.050.000
4	Keo ĐK 25 cm			30	cây	50%	300.000	4.500.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		620.347.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		7.850.000
2	Cây cối, hoa màu		613.200.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		1.241.397.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 1.288.721.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 8.497,9

m²

x

73.000

x

2

=

1.240.693.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)
- 4

khâu

x

12

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

21.600.000
3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 26.428.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cổng sắt bằng thép hình đã sơn S= 4,5*1,8	50%	m2XD	8,10	550.000	2.228.000

2	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc bê tông	50%	md	320	95.000	15.200.000
3	Dây điện a16(2*16mm)	50%	md	500	36.000	9.000.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

2.530.118.000

Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm ba mươi triệu, một trăm mười tám nghìn đồng chẵn.

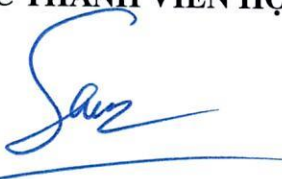
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thuý**
Chuyên viên
phòng KT, HT &
ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Trần Thị Liên

Nhân khẩu: 1

Địa chỉ: Thôn Minh Tân (nay là Thôn 2 Quỳnh Minh), xã Quỳnh Anh, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGĐ Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC , Trích đo số 48/2025	117	7.196,1	73.000	525.315.000
	Cộng:		7.196,1		525.315.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							380.725.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch = 351+100	625	7.196,0	451				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ			450	cây	100%	800.000	360.000.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			1	cây	50%	800.000	400.000
2	Ổi thu hoạch			50	cây	50%	300.000	7.500.000
2	Bưởi thu hoạch			43	cây	50%	450.000	9.675.000
3	Keo ĐK 10-20 cm			57	cây	50%	100.000	2.850.000
4	Keo ĐK 25 cm			2	cây	50%	300.000	300.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		525.315.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		380.725.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		906.040.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

1.088.206.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 7.196,1 m² x 73.000 x 2 = 1.050.631.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)
- 1 khẩu x 12 tháng x 30 kg x 15.000 đồng = 5.400.000
3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 32.175.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
-	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc gỗ, khoảng cách cọc 2-3m	50%	md	280	95.000	13.300.000
-	Dây điện a25(2*80mm)	50%	md	550	49.000	13.475.000
-	Dây điện a16(2*16mm)	50%	md	300	36.000	5.400.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1.994.246.000

Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

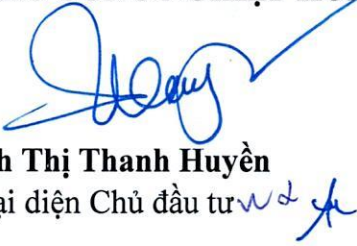
ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ

ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Huỳnh Thanh Huế
và bà Phạm Thị Hằng

Nhân khẩu: 7

Địa chỉ: xóm Tân Mai, xã Nghĩa Đàn, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức). Công văn số 6895/SNNMT-QLĐ Đ ngày 08/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án khu công nghiệp Hoàng Mai II

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Công văn số 1607/UBND-CN ngày 12/2/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 1661/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/2/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc GPMB dự án.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	89	3.891,1	73.000	284.050.000
	Cộng:		3.891,1		257.200.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							264.400.000
1	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
2	Cam thu hoạch = 340 + 60	625	3.890,0	400				-
3	Cam thu hoạch trong mật độ			243	cây	100%	800.000	194.400.000
4	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			157	cây	50%	800.000	62.800.000
2	Bưởi thu hoạch			20	cây	50%	450.000	4.500.000
3	Ổi thu hoạch			18	cây	50%	300.000	2.700.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		257.200.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		264.400.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		521.600.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

595.861.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 3.891,1

m²

x

73.000

x

2

=

568.101.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 38,90 %)
- 7

khẩu

x

6

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

18.900.000
3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 8.860.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
-	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc gỗ, khoảng cách cột 2-3m	50%	md	150	95.000	1.980.000
-	Dây điện a25(2*80mm)	50%	md	200	49.000	4.900.000

-	Dây điện a16(2*16mm)	50%	md	110	36.000	1.980.000
---	----------------------	-----	----	-----	--------	-----------

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1.117.461.000

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ
ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thuý**
Chuyên viên
phòng KT, HT &
ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 12 tháng 1 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Lê Thị Nguyệt
và ông Đặng Thái Trường

Nhân khẩu: 8

Địa chỉ: thôn Ngọc Lam, xã Nghĩa Thọ, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | P. Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGĐ Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 42 Trích đo số 48/2025	5	10.701,5	73.000	781.210.000
	Cộng:		10.701,5		781.210.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc					83.118.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất					Diện tích (m2)
TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
I	Diện tích đất xây dựng trong hạn mức được bồi thường theo Quy định tại Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Nghệ An					10,70
1	Nhà (ô) bán mái, chiều cao 5 m, tường xây gạch táp lô dày 150, nền lán vữa xi măng, mái lợp tôn trắng kẽm, chiều cao móng ≤ 1m. S=7,3*4,8; hệ số chiều cao K=1,23	100%	m2XD	10,70	2.310.000	30.406.000
-	Khấu trừ tường quét vôi ve	100%	m2XD	72,08	-14.000	-1.241.000
II.	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất					
1	Hệ thống tưới nhỏ giọt ống mềm đk 27: 25 hàng *110m	100%	md	2.750	550	1.513.000
2	Đường ống nước Đk 60	100%	md	460	98.000	45.080.000
3	Đường ống nước nhựa tiền phong ĐK 27	100%	md	240	26.000	6.240.000
4	Khoá đường ống nước ĐK 27	100%	Cái	56	20.000	1.120.000
B	Cây cối, hoa màu					815.670.000

STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch = 920 + 438	625	10.650,0	1358				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ: 665			666	cây	100%	800.000	532.800.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			666	cây	50%	800.000	266.400.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ còn lại			26	cây	30%	800.000	6.240.000
2	Bưởi thu hoạch			26	cây	30%	450.000	3.510.000
3	Keo ĐK 25cm			48	cây	30%	300.000	4.320.000
4	Keo ĐK 10-20cm			80	cây	30%	100.000	2.400.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	781.210.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	83.118.000
2	Cây cối, hoa màu	815.670.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	1.679.998.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 1.682.714.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 10.701,5

m²

x

73.000

x

2

=

1.562.419.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)
- 8

khẩu

x

12

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

43.200.000
3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai)
- 77.095.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
-	Nhà (ô) bán mái, chiều cao 5 m, tường xây gạch tấp lô dày 150, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn tráng kẽm, chiều cao móng $\leq 1\text{m}$. $S=7,3*4,8$; hệ số chiều cao $K=1,23$	50%	m2XD	24,34	2.310.000	34.576.000
-	Khấu trừ tường quét vôi ve	50%	m2XD	163,92	-14.000	-1.411.000
-	Sàn ván gỗ nhóm 2	50%	m2XD	35,04	750.000	13.140.000
-	Thép gai 4 sợi cọc bê tông, khoảng cách cọc 2-3m	50%	md	436	95.000	20.710.000
-	Dây điện a16(2*16mm)	50%	md	560	36.000	10.080.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

3.362.712.000

Bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

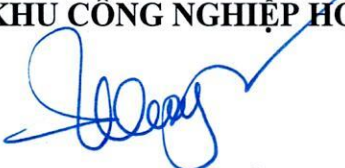
.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II


Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT


Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư


Đặng Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB


Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT


Phan Thị Ngọc Thủy
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT


Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT


Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC


Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 12 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Hoàng Văn Dương và bà Nguyễn Thị Nguyệt Minh Nhân khẩu:

Địa chỉ: Nhà Q60, Khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, TP Hà Nội

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 6895/SNNMT-QLĐĐ ngày 08/6/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 1066/UBND-NN, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác (vượt hạn mức) giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	73	55.259,5		
2	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	74	29.794,0		
3	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	112	2.284,2		
4	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK), BĐĐC 11, Trích đo số 241/2024	81	19.111,0		
5	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK), BĐĐC 11, Trích đo số 241/2024	82	18.149,0		
6	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 50, Trích đo số 223/2026	92	29.590,4		
7	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 50, Trích đo số 223/2026	131	17.168,1		
8	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 51, Trích đo số 223/2026	38	11.133,7		
9	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 51, Trích đo số 223/2026	39	17.044,7		
10	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), BĐĐC 53, Trích đo số 223/2026	113	23.122,2		
11	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK), BĐĐC 53, Trích đo số 223/2026	114	6.443,9		
12	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK), BĐĐC 53, Trích đo số 223/2026	115	23.509,7		
	Cộng		252.610		
	Diện tích được bồi thường theo hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định		20.000,0		
	Diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định		232.610,4		

13	Đất rừng sản xuất (RSX), BĐDC 53, Trích đo số 223/2026	135	5970,9		
14	Đất rừng sản xuất (RSX), BĐDC 53, Trích đo số 223/2026	117	7999,6		
	Tổng giá trị bồi thường về đất				0

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục				ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							
STT	Loại cây	Sản lượng (kg/m2)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		0
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		
2	Cây cối, hoa màu		0
3	Vật nuôi		
	Tổng cộng:		0

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 20.131.717.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 20.000,0

m²

x

73.000

x

2 lần

=

2.920.000.000
- 13.970,5

m2

x

7.500

x

2 lần

=

209.558.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,0 %)
- 4

khẩu

x

12

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

21.600.000
- Hỗ trợ khác diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp: Theo Công văn số
3. 1066/UBND-KTHTĐT, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai. 16.980.559.000
- 1 lần

*

232.610,4 m2

*

73.000

đồng

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

20.131.717.000

Bằng chữ:

Hai mươi tỷ một trăm ba mươi một triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng

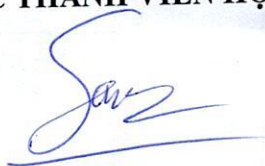
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

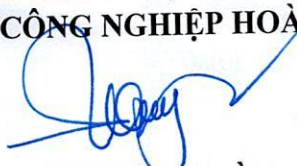
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
Cán bộ HĐ GPMB



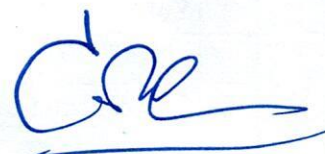
Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thuỳ**
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Văn Tuyên và bà Lê Thị Phương **Nhân khẩu:** 5

Địa chỉ: Khối 9, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- 1 Bà: Nguyễn Thị Mai Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng;
- 2 Ông: Hồ Thái Bình Phó trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- 3 Ông: Lê Đăng Hiệp Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;
- 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền CB Hội đồng BT, HT&TĐC.

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức). Công văn số 6895/SNNMT-QLĐ Đ ngày 08/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án khu công nghiệp Hoàng Mai II

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Công văn số 1607/UBND-CN ngày 12/2/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 1661/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/2/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc GPMB dự án.

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/6/2026 về việc xác minh, bổ sung một số hạng mục tài sản

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	95	15.441,3	7.500	115.810.000
2	Đất trồng rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2026	97	10.684,5	7.500	56.250.000
	Cộng:		26.125,8		172.060.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							414.410.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Tài sản trên thửa 95							
1	Nhãn	400	14641,3	1700				
-	Nhãn ĐK thân 2,5cm - 4cm trong mật độ			586	cây	100%	200.000	117.200.000
-	Nhãn ĐK thân 2,5cm - 4cm vượt mật độ 1 lần			586	cây	50%	200.000	58.600.000
-	Nhãn ĐK thân 2,5cm - 4cm vượt mật độ còn lại			528	cây	30%	200.000	31.680.000

2	Mít thu hoạch			73	cây	30%	600.000	13.140.000
3	Nhãn thu hoạch			10	cây	30%	500.000	1.500.000
4	Vải thu hoạch			1	cây	30%	500.000	150.000
5	Ổi thu hoạch			20	cây	30%	300.000	1.800.000
6	Hồng xiêm thu hoạch			10	cây	30%	450.000	1.350.000
7	Vú sữa thu hoạch			12	cây	30%	350.000	1.260.000
8	Cam thu hoạch			2	cây	30%	800.000	480.000
9	Cam ĐK thân 2cm - 3 cm			1600	cây	30%	150.000	72.000.000
10	Chuối			32	bụi	30%	50.000	480.000
11	Chè xanh cảnh			20	cây	30%	8.000	48.000
12	Sim			9	cây	30%	51.000	138.000
13	Đinh lăng			15	m2	30%	19.000	86.000
14	Chè tuyết san			15	khóm	30%	10.000	45.000
15	Na thu hoạch			17	cây	30%	400.000	2.040.000
16	Hoè cho thu hoạch			12	cây	30%	200.000	720.000
17	Thanh long thu hoạch			23	cây	30%	100.000	690.000
18	Bơ thu hoạch (đơn giá bằng xoài)			5	cây	30%	600.000	900.000
19	Mãng thu hoạch			7	bụi	30%	150.000	315.000
20	Xoan ĐK>40cm			20	cây	30%	600.000	3.600.000
21	Đu đủ thu hoạch			11	cây	30%	50.000	165.000
22	Dừa cao >2m			15	cây	30%	250.000	1.125.000
23	Chanh thu hoạch			24	cây	30%	300.000	2.160.000
24	Ngô thu hoạch (năng suất 0,4645 kg/m2)	0,489	1000	489,3	kg	50%	7.500	852.000
25	Cà pháo thu hoạch có phủ ni lông (năng suất 1,4648 kg/m2)	1,784	2000	3567,8	kg	50%	15.000	21.972.000
26	Cỏ voi			4000	m2	30%	4.000	4.800.000

27	Sản thu hoạch (năng suất 2,1584 kg/m2)	2,158	10000	21584	m2	50%	3.000	32.376.000
Tài sản trên thửa 97								
1	Keo trồng tập trung 2 năm tuổi			1,0685	ha	100%	40.000.000	42.738.000
C	Vật nuôi							32.718.000
1	Ao nuôi cá truyền thống			1700	m2	50%	32.000	27.200.000
2	Ong di dời <10km			42	thùng	100%	113.000	4.746.000
3	Hươu di dời <10km			1,2	đvn	100%	643.000	772.000

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		172.060.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		447.128.000
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		414.410.000
3	Vật nuôi		32.718.000
	Tổng cộng:		619.188.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

730.822.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$26.125,8 \text{ m}^2 \times 7.500 \times 2 = 391.887.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 14,70 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 4 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 9.000.000$$

Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường

4 theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 1066/UBND-KTHTĐT ngày 15/06/2026 của UBND phường Hoàng Mai) **329.935.000**

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
2	Ống nước bằng nhựa ĐK 27	50%	md	480,00	26.000	6.240.000
3	Ống nước bằng nhựa ĐK 21	50%	md	80,00	26.000	1.040.000
4	Ống nước bằng nhựa ĐK 34	50%	md	120,00	43.000	2.580.000

5	Ống nước bằng nhựa ĐK 48	50%	md	70,00	43.000	1.505.000
6	Ống nước bằng nhựa ĐK 60	50%	md	200,00	98.000	9.800.000
7	Khoá 27	50%	Cái	22,00	35.000	385.000
8	Khoá 21	50%	Cái	80,00	35.000	1.400.000
9	Khoá 34	50%	Cái	8,00	35.000	140.000
10	Béc phun sương	50%	Cái	80,00	12.000	480.000
11	T27	50%	Cái	80,00	4.400	176.000
12	Côn ren	50%	Cái	240,00	4.300	516.000
13	Vòi PE mềm 6 ly	50%	md	2.000,00	5.000	5.000.000
1	Nhà ở 1 tầng mái chày không có via tầng đa, tường xây gạch chỉ 110, da trát 2 mặt không sơn bả, nền lát gạch liên doanh, mái lợp ngói, chiều cao móng <1m. S=8,5*5,4 H=2,8 (hệ số chiều cao nhà K=0,99)	50%	m2XD	45,90	3.220.000	73.160.000
-	Nền lát gạch liên doanh S = 5*5	50%	52	25,00	302.000	3.775.000
-	Khấu trừ BT lót nền S= 5*5	50%	m2	25,00	-117.000	-1.463.000
2	Nhà tắm, nhà vệ sinh tường xây bằng gạch chỉ dày 110, ốp lát gạch liên doanh, mái bằng BTCT: S=2,5*2,2m	50%	m2XD	5,50	7.585.000	20.859.000
3	Mái tôn cách nhiệt (tôn xốp) không tường che: S=5*7,3	50%	m2XD	36,50	480.000	8.760.000
4	Sân nền bê tông đá dăm dày 5cm: S= 11*4+14*4,6+4,2*6	50%	m2XD	133,60	77.000	5.144.000
5	Nhà ở 1 tầng mái chày không có via tầng đa, tường xây gạch chỉ 110, da trát 2 mặt không sơn bả, nền lát gạch liên doanh, mái lợp ngói, chiều cao móng <1m. S=2,8*2,8 H=2,6 (hệ số chiều cao nhà K=0,99)	50%	m2XD	7,84	3.206.000	12.442.000
6	Mái tôn tráng kẽm không tường che: S=2,8*1,5	50%	m2XD	4,20	375.000	788.000
7	Nhà kho bán mái, tường xây bằng táp lô đứng không da trát, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn tráng kẽm: S= 2,8*2,9; H=2,2, hệ số chiều cao Kh= 0,91	50%	m2XD	8,12	2.257.000	8.339.000

8	Bể cạn nắp bằng BTCT, tường xây gạch chỉ dày 110, da trát 2 mặt: $V=3,2*2,3*2,1$	50%	m2XD	15,46	1.904.000	14.714.000
9	Lán trại, công trình phụ (chuồng trại chăn nuôi) làm bằng vật liệu khó cháy nền láng xi măng, đã bao gồm bê tông lót nền và móng tường bao che bằng gạch taplo đứng, chiều cao trung bình phần vật liệu bao che $H = 2,2$. $S = 3,4*6,3$. Hệ số chiều cao $K = 0,91$; Hệ số bao che bằng gạch tap lô $K_{bc} = 0,92$	50%	m2XD	21,42	1.225.000	10.984.000
8	Khấu trừ BT lót	50%	m2XD	21,42	-77.000	-825.000
10	Mái phibro xi măng không tường che: $S=6,3*1,8$	50%	m2XD	11,34	295.000	1.673.000
11	Tường xây bằng taplo đứng: $S = 1*22$	50%	m2XD	22,00	143.000	1.573.000
-	Da trát 01 mặt tường $S = 1*22$	50%	m2XD	22,00	83.000	913.000
12	Bể chứa nước BTCT không có nắp đáy, 3 cái: $V=1,1*1,1*1,2*3$	50%	m3XD	4,36	2.225.000	4.846.000
13	Lán trại, công trình phụ (chuồng trại chăn nuôi) làm bằng vật liệu khó cháy nền láng xi măng, đã bao gồm bê tông lót nền và móng tường bao che bằng gạch taplo nằm, chiều cao trung bình phần vật liệu bao che $H = 2,5$. $S = 12,5*10$. Hệ số bao che bằng gạch tap lô $K = 0,92$	50%	m2XD	125,00	1.225.000	70.438.000
-	Khấu trừ BT lót	50%	m2XD	125,00	-77.000	-4.813.000
-	Tôn xốp	50%	m2XD	125,00	90.000	5.625.000
14	Mái che tôn tráng kẽm, bao che từng tấp lô $S = 5*12$, $H=0,8$	50%	m2XD	60,00	375.000	11.250.000
-	Tường xây bằng taplo đứng: $S = 2*(5+12)*0,8$	50%	m2XD	27,20	143.000	1.945.000
15	Khung thép hình lưới B40 $S=4,3*5,5*2,6$	50%	m2XD	61,49	220.000	6.764.000
16	Khung sắt vuông 10x10. $S=8,6*5,5$	50%	m2XD	47,30	460.000	9.791.000
17	Khung ván gỗ $S=36*1,9$	50%	m2XD	68,40	200.000	6.840.000
18	Sàn BTCT $S=24*2$	50%	m2XD	48,00	518.000	12.432.000
19	Trụ BTCT tiết diện 30x30: dài 2,2*10 cột	50%	md	22,00	574.000	6.314.000

20	Tường xây bằng táp lô đứng không da trát: S=8,6*1,2	50%	m2XD	10,32	143.000	738.000
21	Bờ rào thép gai 3 sợi, cọc BTCT: L=120m	50%	md	120,00	82.000	3.887.000
34	Bờ rào B40 cọc BTCT	50%	md	40,00	189.000	3.780.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1.350.010.000

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu, mười ngàn đồng chẵn

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN
 DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**

Trịnh Thị Thanh Huyền

Đại diện chủ đầu tư



Đâu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thùy
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI